

Số: 97/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện “Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /hs.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành, địa phương;
- Các Thứ trưởng;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHTC (HoanTRH).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU
NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1971/QĐ-BCT
ngày 02 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Thực hiện Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030”, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Các đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tổng công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được phân công tập trung tổ chức triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương với 05 trọng tâm chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được giao cho ngành Công Thương tại Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030”. Phân đấu đến năm 2030 là nước công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp cao.

2. Quyết tâm, đoàn kết, chủ động, sáng tạo trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành Công Thương. Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững gắn với hệ thống chỉ tiêu đo lường, đánh giá kết quả thực hiện tại Phụ lục I.

3. Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tái cơ cấu ngành Công Thương. Chú trọng nâng cao chất lượng và tính chủ động trong tham mưu thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tái cơ cấu ngành Công Thương liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Khẩn trương xây dựng Chương trình, Kế hoạch của đơn vị để tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động. Hoàn thành có chất lượng và đúng thời hạn các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và ý thức chấp hành gắn với đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; phát huy vai trò tiên phong, chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kết hợp hiệu quả giữa điều phối, phối hợp với phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tạo lập các động lực tăng trưởng mới của ngành Công Thương, tăng cường sức chống chịu trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài và tham gia quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế chủ động, hiệu quả.

- Ưu tiên là phát triển công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ để làm chủ khu vực sản xuất, đặc biệt là tư liệu cho các ngành công nghiệp xuất khẩu và nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất. Phát triển công nghiệp chế tạo thông minh nhằm tạo đột phá và hình thành năng lực sản xuất mới gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có quy mô xuất khẩu lớn như dệt may, da giày, điện tử, đồ gỗ, nông thủy sản.

- Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các nguồn năng lượng mới như hydrogen, pin nhiên liệu hydro, khí hóa lỏng LNG. Hình thành các trung tâm năng lượng lớn theo lợi thế cạnh tranh của các địa phương; phát triển hệ thống thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh để huy động các nguồn lực tư nhân tham gia phát triển ngành. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị và công nghệ năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo.

- Phát triển nhanh, bền vững thị trường trong nước kết nối liền mạch với thị trường xuất nhập khẩu. Phát huy thế mạnh của thị trường trong nước để củng cố nội lực là yếu tố quyết định gắn với mở rộng thị trường bên ngoài, trong đó, xác định thương mại số, thương mại điện tử là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế số. Số hóa các hoạt động xúc tiến thương mại.

Đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, chú trọng phát triển xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới, hệ thống phân phối ở nước ngoài và đẩy mạnh phát triển thương hiệu hàng Việt Nam, gia tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao và tỷ lệ nội địa hóa lớn; phát triển các mặt hàng xuất khẩu mới, tạo sự đột phá như các sản phẩm Halal sang các thị trường Hồi giáo, sản phẩm Kosher sang thị trường Do thái, hàng hóa môi trường và các bon thấp....

Thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ hệ thống phân phối sang các loại hình phân phối hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa hệ thống phân phối ở vùng nông thôn, miền núi; Phát triển thương mại điện tử thành một kênh phân phối quan trọng, hỗ trợ tích cực trong tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản, hàng công nghiệp tiêu dùng. Phát triển các trung tâm tiêu dùng mới.

- Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng củng cố các nền tảng kinh tế vĩ mô, tăng cường nội lực của nền kinh tế, nâng cao khả năng tham gia của Việt Nam vào

mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Kết hợp hài hòa giữa hội nhập kinh tế bên ngoài với đẩy mạnh hội nhập kinh tế bên trong theo hướng tập trung thực thi các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế nhằm cải cách nền kinh tế theo hướng thị trường đầy đủ gắn với nâng cao năng lực hội nhập kinh tế cho các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp để khai thác một cách hiệu quả các lợi ích từ hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện hội nhập kinh tế có trọng tâm, trọng điểm theo hướng ưu tiên thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, các ngành, lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam như công nghiệp năng lượng, chế biến sâu nông - lâm - thủy sản, điện tử, công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện và bền vững thông qua tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các vấn đề về xã hội như lao động, công đoàn.

2. Chú trọng nâng cấp và phát triển các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành để nâng cao giá trị gia tăng, tăng cường năng lực tự chủ của ngành Công Thương

- Tập trung phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản xuất công nghiệp trong nước thông qua việc nâng cấp và phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành công nghiệp, tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp nội địa. Chú trọng nội địa hóa chuỗi cung ứng các ngành công nghiệp để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và tăng cường tính tự chủ của ngành, từng bước tham gia vào quá trình thiết kế, R&D và sản xuất linh kiện của các ngành công nghiệp. Phát triển và nâng cấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu đối với ngành công nghiệp xuất khẩu có sức cạnh tranh quốc tế.

- Phát triển chuỗi cung ứng ngành dầu khí một cách đồng bộ, hoàn chỉnh có tính kết nối cao 5 lĩnh vực cốt lõi, gồm: tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; công nghiệp khí; chế biến dầu khí; vận chuyển, tồn trữ và phân phối sản phẩm dầu mỏ. Phát triển chuỗi cung ứng ngành điện theo hướng đồng bộ hóa từ khâu phát triển nguồn điện, phát điện, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống điện và thị trường điện. Tăng cường khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước gắn với điều hành xuất, nhập khẩu hợp lý, đáp ứng nhu cầu than của thị trường trong nước, đặc biệt là cho sản xuất điện và cho các ngành sản xuất.

- Nâng cấp và phát triển hoàn chỉnh hệ sinh thái xuất nhập khẩu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển đồng bộ và hiệu quả hệ thống hạ tầng logistics phục vụ xuất nhập khẩu, đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất và logistics của khu vực.

Nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các - bon thấp, lao động và công đoàn. Tăng cường năng lực xuất khẩu cho các địa phương. Phát triển các vùng, địa bàn xuất khẩu mới gắn với quá trình cơ cấu lại các ngành công nghiệp theo hướng tập trung chuyên môn hóa.

- Phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa trong nước để kết nối giữa sản xuất với thị trường, thực hiện nhất quán quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trong nước bằng các quy định, tiêu chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế. Ưu tiên phát triển chuỗi cung ứng các mặt hàng nông sản, thực phẩm.

3. Hình thành hệ thống các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có thương hiệu và có năng lực cạnh tranh toàn cầu gắn với tăng cường quản lý cạnh tranh, chống độc quyền

- Hình thành một số tập đoàn công nghiệp đa quốc gia của Việt Nam có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong một số ngành công nghiệp Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, đóng vai trò dẫn dắt phát triển ngành.

- Phát triển được hệ thống các doanh nghiệp xuất khẩu lớn, có năng lực cạnh tranh và thương hiệu toàn cầu. Phát triển một số tập đoàn bán lẻ trong nước có thương hiệu lớn và có khả năng cạnh tranh trong khu vực với hệ thống phân phối hiện đại, làm chủ hệ thống tổng kho, trung tâm logistics và nguồn cung ứng hàng hóa, có vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường để định hướng sản xuất và tiêu dùng, chiếm lĩnh phần lớn quy mô thị trường bán lẻ.

4. Tập trung hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng trong sản xuất, xuất khẩu và sức cạnh tranh của ngành Công Thương; xanh hóa ngành Công Thương gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

- Ưu tiên phát triển kinh tế số và chuyển đổi số với ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng cơ bản để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành gắn liền với việc tiếp tục cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo chiều sâu.

- Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách phát triển ngành từ trung ương đến địa phương. Cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo môi trường cạnh tranh minh bạch, bình đẳng để huy động một cách hiệu quả các nguồn lực phát triển ngành. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của ngành.

- Chú trọng phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường và xanh hóa công nghiệp; đảm bảo sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng và nguyên liệu đầu vào là tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm và hiệu quả; thúc đẩy tiêu dùng xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp.

5. Cơ cấu lại không gian lãnh thổ phát triển của ngành Công Thương theo hướng hình thành hệ thống cụm liên kết các ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao theo lợi thế của các địa phương tại một số vùng, địa bàn trọng điểm. Tăng cường liên kết các địa phương trong vùng và liên vùng, các vùng động lực, cực tăng trưởng và các hành lang kinh tế để tạo lập không gian phát triển mới đối với các ngành công nghiệp, mở rộng kết nối thị trường và tham gia có hiệu quả vào các chuỗi giá trị trong nước, khu vực và toàn cầu.

- Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Phát huy các lợi thế về tài nguyên khoáng sản và phát triển hiệu quả các cơ sở khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất phân bón và hóa chất, năng lượng, khai thác khoáng sản. Hình thành các chuỗi giá trị các ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao tại một số địa bàn có lợi thế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistic hỗ trợ xuất khẩu.

- Vùng Đồng bằng sông Hồng: củng cố vị thế là trung tâm sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và là thị trường tiêu dùng lớn của cả nước. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có lợi thế xuất khẩu để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn như ô tô, điện tử, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, chip, bán dẫn. Phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng theo hướng cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa. Tập trung phát triển thương mại điện tử. Hình thành các trung tâm mua sắm và tiêu dùng có quy mô lớn, đa chức năng mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển các sàn giao dịch hàng hóa, chợ đầu mối hiện đại, dịch vụ logistic.

- Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: Hình thành một số trung tâm công nghiệp lớn ngang tầm khu vực Châu Á với các khu kinh tế ven biển hiện đại gắn với các tổ hợp công nghiệp lọc dầu, hoá dầu, hóa chất, luyện kim, công nghiệp ô tô, công nghiệp phụ trợ ngành cơ khí. Hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; xây dựng các trung tâm dịch vụ logistic. Phát triển hệ thống trung tâm mua sắm và tiêu dùng có quy mô lớn gắn liền với tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây và các địa phương có lợi thế về phát triển du lịch.

- Vùng Tây Nguyên: Tập trung phát triển công nghiệp khai thác, chế biến bô-xít, alumin trên quy mô lớn, phát triển công nghiệp chế biến nhôm, năng lượng tái tạo. Hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối nông sản có lợi thế của vùng, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản trên thị trường quốc tế. Chú trọng phát triển năng lượng tái tạo.

- Vùng Đông Nam Bộ: Tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu cả nước về phát triển công nghiệp, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện, điện tử, công nghiệp môi trường. Phát triển mạnh công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, hóa chất; các dịch vụ ngành dầu khí. Phát triển chuỗi công nghiệp Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế xuyên Á. Phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản. Phát triển hệ thống trung tâm mua sắm và tiêu dùng có quy mô lớn, ngang tầm khu vực. Phát triển thương mại điện tử. Nâng cấp, hiện đại hóa hoạt động của các chợ đầu mối và phát triển các sàn giao dịch hàng hóa. Xây dựng và phát triển các khu thương mại tự do tại các khu kinh tế cửa khẩu.

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông thủy sản, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm và phân công chuyên môn hóa theo chuỗi giá trị giữa các địa phương trong

Vùng. Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ. Phát triển năng lượng tái tạo. Nâng cấp và đồng bộ hóa hạ tầng logistics. Phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với hình thành các tổ hợp công nghiệp, thương mại, dịch vụ biên giới.

- Vùng ven biển: Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp quy mô lớn tại các khu kinh tế ven biển để trở thành trung tâm phát triển công nghiệp của vùng và cả nước. Chú trọng phát triển các ngành sản xuất công nghiệp nặng như thép và hóa chất, chế biến sâu các loại khoáng sản có tiềm năng và trữ lượng lớn như quặng sắt, titan gắn với hình thành các khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển....Ưu tiên phát triển các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc dầu, hoá dầu, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, năng lượng tái tạo.

III. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh trở thành động lực cho thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và số hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của ngành Công Thương

1.1. Trong lĩnh vực công nghiệp

a) Cục Công nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan

- Xây dựng trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống pháp luật để thể chế hóa chủ trương của Đảng, làm cơ sở để thúc đẩy hoạt động phát triển công nghiệp từ trung ương đến địa phương, thực thi có hiệu quả công tác điều phối, phân cấp theo ngành, vùng, lãnh thổ và giữa các địa phương trong phát triển công nghiệp; thực thi có hiệu quả chuyên dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ, các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

- Xây dựng và trình ban hành các đạo luật làm cơ sở pháp lý để phát triển công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp nền tảng; tạo lập khuôn khổ pháp lý cho phát triển sản xuất thông minh và các cơ chế thử nghiệm, thí điểm có kiểm soát. Phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản xuất công nghiệp trong nước và nội địa hoá chuỗi cung ứng các ngành công nghiệp để tăng cường tính tự chủ ngành công nghiệp.

- Rà soát, xây dựng và trình ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển công nghiệp, các ngành công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tích hợp quy hoạch phát triển công nghiệp vào quy hoạch quốc gia, vùng, địa phương theo lợi thế phát triển của quốc gia, vùng và địa phương.

- Xây dựng và trình ban hành tiêu chí để cơ cấu lại danh mục các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên cho giai đoạn tới năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và các cơ chế, chính sách ưu tiên, đặc biệt là nguồn lực về đầu tư để phát triển có trọng tâm, trọng điểm; hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, vật liệu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp gắn với hình thành và phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp tập trung thành các tổ hợp sản xuất hoàn chỉnh quy mô lớn, có tính chuyên

môn hóa cao theo chuỗi giá trị.

- Rà soát, xây dựng và trình ban hành các cơ chế, chính sách về phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá gắn với các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Ưu tiên lựa chọn phát triển tại các vùng, địa phương đã bước đầu hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp hoặc có lợi thế về giao thông, địa kinh tế, tài nguyên, lao động, logistics, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng và thúc đẩy Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng và trình ban hành các chính sách khuyến khích phát triển dịch vụ hỗ trợ công nghiệp, các trung gian cung cấp dịch vụ tư vấn công nghiệp từ trung ương đến địa phương (hỗ trợ tìm nguồn cung ứng, thiết kế, phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn công nghiệp và thị trường xuất khẩu...).

- Xây dựng, nâng cấp mạng lưới và công thông tin về các tổ chức và chuyên gia tư vấn công nghiệp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất. Xây dựng các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp theo vùng và địa phương.

- Rà soát, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tập trung triển khai có hiệu quả chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực điện tử, ô tô, dệt may, da giày, cơ khí, công nghệ cao...

b) Cục Hóa chất chủ trì phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan

- Xây dựng ngành công nghiệp hóa chất có cơ cấu tương đối hoàn chỉnh, bao gồm sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp khác; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu; chú trọng ưu tiên phát triển một số phân ngành trọng điểm như hóa chất cơ bản, hóa dầu, hydrogen, amoniac, cao su kỹ thuật, hóa dược, phân bón... ; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phát triển ngành.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền đầu tư hình thành các tổ hợp, cụm ngành công nghiệp hóa chất tập trung theo hướng hiện đại, xanh, mô hình kinh tế tuần hoàn; ưu tiên lựa chọn phát triển tại các vùng, địa phương đã có tiền đề, lợi thế về khu công nghiệp, cơ sở hóa chất, giao thông, địa lý, logistics; xây dựng lộ trình và tổ chức di dời các cơ sở hóa chất khả năng gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư lân cận.

- Có cơ chế ưu đãi đầu tư đặc thù đối với các dự án hóa dầu, hóa dược, hóa chất cơ bản, cao su theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho các dự án ưu tiên tiếp cận được với chế độ ưu đãi về thuế, đất đai, lao động...

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đối với các hoạt động dịch vụ trong công nghiệp hóa chất: tư vấn đầu tư, chuyên giao công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm, phát triển thương hiệu...

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040; Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Hóa chất (sửa đổi).

c) Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách tạo thuận lợi cho phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu; Tăng cường thu hút đầu tư cho nghiên cứu, phát triển công nghệ môi trường, đặc biệt là công nghệ xử lý và tái chế chất thải, công nghệ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật đối với các dự án đầu tư phát triển công nghiệp môi trường; thẩm định, đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị và công nghệ môi trường.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật về phát triển công nghiệp môi trường.

d) Cục Công Thương địa phương chủ trì phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cụm công nghiệp theo hướng khuyến khích doanh nghiệp làm chủ hạ tầng cụm công nghiệp, tăng cường xã hội hóa trong đầu tư phát triển cụm công nghiệp và xử lý tốt các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu của các cụm công nghiệp.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công quốc gia gắn với tăng cường kết nối với các địa phương nhằm nâng cao năng lực phát triển công nghiệp của các địa phương. Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025.

đ) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển công nghiệp nói chung và các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tích hợp quy hoạch phát triển công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, vùng và quốc gia theo lợi thế phát triển của địa phương.

- Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển công nghiệp trên địa bàn. Tái cơ cấu các hoạt động khuyến công tại địa phương theo hướng phát huy vai trò của các thành phần kinh tế trong việc tham gia đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tăng cường liên kết phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa của địa phương với các địa phương khác trong vùng và liên vùng.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư, xã hội hóa công tác đầu tư phát triển cụm công nghiệp; đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp gắn với xử lý tốt các vấn đề về ô nhiễm môi trường, giảm phát thải,

kinh tế tuần hoàn...

- Tập trung hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; thúc đẩy các hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp nông thôn; phát huy vai trò và nâng cao năng lực thực hiện của tổ chức khuyến công của địa phương.

1.2. Trong lĩnh vực năng lượng

a) Vụ Dầu khí và Than, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết điện lực theo chức năng nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét đổi mới cơ chế, chính sách về phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Khuyến khích kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển hạ tầng năng lượng.

- Rà soát đánh giá và báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại, bền vững, đặc biệt là cơ sở hạ tầng xuất, nhập khẩu năng lượng kết nối khu vực; phát triển hệ thống tích trữ năng lượng.

- Chủ động nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xây dựng các đối tác chiến lược để thực hiện mục tiêu nhập khẩu năng lượng trong dài hạn và đầu tư tài nguyên năng lượng ở nước ngoài. Tăng cường hợp tác về phát triển nguồn cung từ bên ngoài và đa dạng hóa phát triển nguồn cung năng lượng trong nước.

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn thiện chính sách phát ưu tiên triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh và hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, bảo đảm an ninh năng lượng; tìm kiếm và phát triển các loại năng lượng sạch mới; hình thành và phát triển các trung tâm năng lượng, đặc biệt là các trung tâm năng lượng tái tạo tại các vùng và các địa phương có lợi thế gắn với đảm bảo cân đối cung - cầu theo vùng, miền.

- Nghiên cứu, ban hành các hướng dẫn, khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng mới như khí hydrogen xanh, amoniac xanh, địa nhiệt... Phát triển các dự án đầu tư hệ thống tích trữ năng lượng, các nguồn điện có tính linh hoạt cao để vận hành tối ưu hệ thống và tích hợp năng lượng tái tạo nhằm ổn định cung cầu năng lượng, đảm bảo phân phối điện tới các vùng nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

- Đẩy mạnh xây dựng hệ thống thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hoá hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân với lộ trình phù hợp.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu tiên phát triển ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị và công nghệ năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo. Từng bước làm chủ công nghệ hiện đại, tiến tới tự chủ

sản xuất được phần lớn các thiết bị năng lượng, đặc biệt là công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo, công nghệ lưu trữ điện năng, công nghệ thu giữ và sử dụng hiệu quả các bon.

b) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030, đảm bảo khai thác, phân phối và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Xây dựng hướng dẫn về mức chi đặc thù cho các hoạt động tiết kiệm năng lượng.

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện đổi mới chính sách quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; triển khai xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao.

- Tổ chức triển khai các giải pháp chuyển dịch từ cơ chế “tự nguyện” sang “bắt buộc” về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với một số lĩnh vực như sản xuất công nghiệp; thương mại, dịch vụ; giao thông; nông nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung các quy định pháp lý thúc đẩy phát triển loại hình Công ty dịch vụ năng lượng (ESCO).

c) Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết điện lực, Vụ Dầu khí và Than, Vụ Thị trường trong nước, Vụ Kế hoạch – Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Khẩn trương xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách điều hành giá các mặt hàng năng lượng (điện, than, dầu khí) trong nước theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế và có mức lợi nhuận hợp lý để phát triển bền vững doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh năng lượng.

- Xem xét đề xuất bổ sung quy định đối với nguồn điện mặt trời (bao gồm cả điện mặt trời mái nhà), điện gió đầu nối vào lưới điện trung áp có công suất từ 100kW trở lên phải thỏa thuận, thống nhất với Cấp điều độ có quyền điều khiển về trang thiết bị, phương tiện kết nối với hệ thống thu thập, giám sát và điều khiển.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong ngành năng lượng. Số hóa các hoạt động tiếp cận năng lượng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng; các hoạt động quản lý, vận hành hệ thống năng lượng; tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả và tiết kiệm.

d) Cục Điều tiết điện lực, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo theo chức năng,

nhệm vụ được phân công chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế điều hành thực hiện các dự án điện nhằm siết lại kỷ cương trong tổ chức thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển điện, các chính sách về phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành điện, đảm bảo cân đối về cung - cầu điện, vận hành hệ thống điện quốc gia an toàn, tin cậy và hiệu quả. Huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển ngành điện.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn; Thúc đẩy tìm kiếm và phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng sạch như băng cháy, hydro, nhiên liệu phát thải các bon thấp, năng lượng sóng biển, thủy triều.

- Hoàn thiện thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo thiết kế đã được phê duyệt. Hoàn thành các công tác chuẩn bị về cơ sở hạ tầng và sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật Điện lực và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để triển khai thị trường bán lẻ điện và làm cơ sở để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện lớn thông qua lưới điện quốc gia.

- Nghiên cứu và thực hiện tách bạch hoạt động phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) với hoạt động kinh doanh bán lẻ điện (mang tính cạnh tranh) nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong lĩnh vực điện lực.

- Tiếp tục cải cách giá bán lẻ điện phù hợp với các cấp độ thị trường điện, đồng bộ với giá phát điện, bán buôn điện, sử dụng điện hiệu quả và tiết kiệm. Xây dựng và trình ban hành Khung giá phát điện. Rà soát, báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá phát điện, công tác giao nhận tài sản các công trình điện.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào vận hành các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải. Hoàn thiện nghiên cứu khả thi các dự án điện miền Trung I, II và Dung Quất I, III đảm bảo tiến độ các dự án này đồng bộ với tiến độ triển khai Dự án thượng nguồn.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, nhất là các khu vực có nguy cơ thiếu điện như miền Bắc và điện mặt trời tự sản, tự tiêu. Ưu tiên phát triển không giới hạn công suất, với điều kiện giá thành hợp lý và tận dụng lưới điện sẵn có, không phải nâng cấp. Phấn đấu đến năm 2030, công suất các nguồn điện loại hình này tăng thêm 2.600 MW; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng và lắp đặt điện mặt trời mái nhà.

- Khuyến khích phát triển chuỗi cung ứng ngành điện theo hướng đồng bộ hóa từ khâu phát triển nguồn điện, phát điện, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống điện và thị trường điện.

- Nghiên cứu, rà soát trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định pháp lý để chuyển chức năng quản lý, chỉ đạo Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0) về Bộ Công Thương.

đ) Vụ Dầu khí và Than chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành dầu khí theo chuỗi cung ứng đồng bộ, hoàn chỉnh có tính kết nối cao đối với 5 lĩnh vực cốt lõi gồm: tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; công nghiệp điện; công nghiệp khí; công nghiệp chế biến dầu khí; dịch vụ dầu khí chất lượng cao.

- Đẩy mạnh các hoạt động phát triển lĩnh vực hóa dầu, chế biến sâu tạo ra các sản phẩm mới từ dầu khí và phát triển dịch vụ dầu khí; phát triển, khai thác và sử dụng khí thiên nhiên, đảm bảo đủ năng lực để nhập khẩu LNG phục vụ nhu cầu trong nước.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống pháp luật về dầu khí để loại bỏ các bất cập, vướng mắc phát sinh, tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho nhà đầu tư, góp phần cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực dầu khí; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch theo cơ chế thị trường đối với hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong ngành dầu khí.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút đầu tư vào phát triển dầu khí tại các vùng nước sâu, xa bờ; Hiện đại hóa, đẩy nhanh công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí; đánh giá tiềm năng, khai thác có hiệu quả, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững khoáng sản thềm lục địa và hải đảo.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường, nguồn than nhập khẩu; bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng để ưu tiên than đáp ứng cho sản xuất điện và các hộ tiêu thụ trong nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phù hợp với các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu của Việt Nam.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách khuyến khích cải tiến công nghệ trong công tác thăm dò, khai thác, chế biến than nhằm đa dạng hóa sản phẩm sản xuất từ than để cung cấp cho các ngành kinh tế trong nước và khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên than của đất nước.

- Cải tạo, mở rộng, xây dựng mới cảng tập trung tại các vùng sản xuất than và theo khu vực (phía Bắc, phía Nam) phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch khác liên quan với loại hình cảng hợp lý, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ logistics đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại và thân thiện với môi trường để phục vụ xuất, nhập, pha trộn than, có tính đến khả năng dự trữ than phù hợp đáp ứng yêu cầu sản xuất, đặc biệt là cho sản xuất điện; xóa bỏ dần các bến nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu.

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp điều kiện cụ thể của Việt Nam và thông lệ quốc tế nhằm hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia đầu tư thăm dò và khai thác than ở nước ngoài, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn than nhập khẩu về Việt Nam phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước.

- Đổi mới công nghệ trong công tác thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng than xác minh và nâng cấp trữ lượng than hiện có trong nước bằng các phương pháp đánh giá, tính toán theo tiêu chuẩn trong nước kết hợp với quốc tế nhằm nâng cao độ tin cậy. Đầu tư nghiên cứu, áp dụng công nghệ chế biến than để tạo ra chủng loại than phù hợp đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ trong nước. Giảm tỷ lệ tổn thất than khai thác hầm lò và khai thác lộ thiên, tăng hệ số thu hồi than.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án khí trọng điểm như Chuỗi dự án khí - điện Lô B, Cá Voi Xanh nhằm cung cấp nhiên liệu cho phát điện khu vực Tây Nam Bộ, Trung Bộ và các khu vực lân cận đến năm 2025 và các năm tiếp theo, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo vệ chủ quyền và biển đảo; khai chuỗi dự án điện khí LNG Thị Vải và Sơn Mỹ.

e) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển các ngành năng lượng (điện, than, dầu khí...) có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với các Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành quốc gia.

- Hỗ trợ, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, các nhà máy hoạt động trong lĩnh vực năng lượng trên địa bàn.

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động về tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sản xuất, dịch vụ và dân sinh trên địa bàn.

1.3. Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

a) Cục Xuất nhập khẩu chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Rà soát, hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về xuất nhập khẩu nhằm thực thi và khai thác có hiệu quả các FTA đã ký kết.

- Tập trung ưu tiên phát triển xuất khẩu các mặt hàng có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao, tỷ lệ nội địa hoá lớn và các mặt hàng có lợi thế xuất khẩu (điện tử, dệt may, da giày, nông sản, đồ gỗ...) gắn đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển các ngành hàng, thị trường xuất khẩu có lợi thế, tiềm năng.

- Tăng cường triển khai các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định của thị trường xuất khẩu, đáp ứng các quy tắc xuất xứ để tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết. Nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của doanh nghiệp phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách thúc đẩy xuất, nhập khẩu chính ngạch, theo hợp đồng đối với thương mại biên giới gắn với tăng cường kiểm tra, kiểm soát, chống gian lận thương mại.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành và tổ chức thực thi có hiệu quả các công cụ quản lý nhập khẩu, nhất là nhập khẩu các mặt hàng không

thiết yếu, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được, máy móc thiết bị và công nghệ lạc hậu, có khả năng làm tổn hại môi trường, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu.

- Xây dựng và đề xuất ban hành cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển hệ thống trung tâm logistics hoàn chỉnh, có tính liên kết cao. Ưu tiên xây dựng một số trung tâm logistics lớn ở các vùng kinh tế trọng điểm. Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp logistics trong nước.

Tập trung tạo thuận lợi và cắt giảm chi phí thương mại thông qua phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống hạ tầng phục vụ thương mại, hạ tầng logistics; Tăng cường thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistics, nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Nghiên cứu, chủ động xây dựng phương án để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ các cú sốc, đặc biệt là các xung đột thương mại giữa các quốc gia đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Giải quyết vấn đề mất cân bằng thương mại với các đối tác lớn.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược.

b) Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu qua các nền tảng số, đặc biệt là qua kênh thương mại điện tử xuyên biên giới.

- rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu quản lý của Việt Nam.

c) Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ và Vụ thị trường châu Á – châu Phi theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khuyến khích xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam qua hệ thống phân phối ở nước ngoài, đặc biệt là hệ thống phân phối bán lẻ hàng hóa châu Á, châu Âu. Tăng cường hỗ trợ kết nối giữa các doanh nghiệp xuất khẩu với các tập đoàn phân phối quốc tế.

- Tập trung triển khai các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp phân phối lớn của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài gắn với phân phối hàng hóa của Việt Nam ở nước ngoài. Tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030.

- Theo dõi, nghiên cứu, phổ biến thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, hệ thống chính sách, luật pháp về kinh tế, thương mại, công nghiệp, năng lượng và tập quán kinh doanh của các nước, vùng lãnh thổ và khu vực. Nghiên cứu và dự báo cung, cầu, giá cả và diễn biến thị trường hàng hóa và dịch vụ (đặc biệt là các hàng hoá có tác động lớn đến thị trường trong nước) của các nước, vùng lãnh thổ, khu

vực phụ trách đề tham mưu, đề xuất các giải pháp điều hành phù hợp

d) Cục Xúc tiến thương mại chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Đổi mới phương thức xúc tiến thương mại thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tăng cường xúc tiến đầu ra cho sản phẩm thông qua hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

- Xây dựng thương hiệu cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam gắn với Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam. Tăng cường các hoạt động quảng bá Thương hiệu quốc gia Việt Nam, thương hiệu ngành hàng Việt Nam. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu.

- Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình về xúc tiến nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc đa dạng hóa thị trường và mặt hàng nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nhà cung ứng, các thị trường, mặt hàng nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong nước chưa sản xuất được; nguyên, vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất trong nước.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan thương vụ và văn phòng xúc tiến thương mại của Việt Nam ở nước ngoài.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới và cổng thông tin về các tổ chức, chuyên gia tư vấn về xúc tiến thương mại.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình nâng cao năng lực xúc tiến thương mại cho các tổ chức xúc tiến thương mại, tổ chức hỗ trợ kinh doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật trong hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng tinh giản, hiệu quả.

đ) Cục Công Thương địa phương, Cục Xuất nhập khẩu, Cục Xúc tiến thương mại và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ các địa phương phát triển xuất khẩu, thu hẹp dần khoảng cách với các trung tâm kinh tế lớn, đặc biệt là các vùng nông thôn, miền núi.

- Hỗ trợ các địa phương phát triển các ngành xuất khẩu có lợi thế trên địa bàn; xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm xuất khẩu của địa phương.

- Triển khai các chương trình tăng cường năng lực cho các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ từ trung ương đến địa phương; xây dựng và củng cố mạng lưới tư vấn viên về hỗ trợ xuất khẩu đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

e) Cục Phòng vệ thương mại chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật về phòng vệ thương mại phù hợp với cam kết quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

- Hỗ trợ doanh nghiệp chủ động ứng phó và xử lý có hiệu quả các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Theo dõi sát tình hình nhập khẩu của các sản phẩm thiết yếu, hàng hóa sản xuất quan trọng để kịp thời kiến nghị và thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại, phòng chống lợi dụng và gian lận xuất xứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ngành sản xuất và thị trường trong nước trước bối cảnh ngày càng gia tăng cạnh tranh từ bên ngoài.

g) Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

Đẩy mạnh kết nối với các tổ chức quản lý tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa của các thị trường xuất khẩu nhằm tăng cường công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống quản lý chất lượng, an toàn để tạo thuận lợi hơn nữa cho xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu nông thủy sản.

h) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Đẩy mạnh các hoạt động phát triển xuất khẩu trên địa bàn. Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền về lựa chọn, ưu tiên phát triển các ngành xuất khẩu có tiềm năng, lợi thế phát triển của địa phương mới gắn với quá trình chuyển dịch và phân công lại sản xuất từ các trung tâm kinh tế ra các vùng đệm đối với các ngành xuất khẩu thâm dụng lao động, phát huy lợi thế về lao động và chi phí sản xuất thấp.

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển xuất nhập khẩu và đối với một số ngành, lĩnh vực xuất khẩu có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.4. Về phát triển thị trường trong nước

a) Vụ Thị trường trong nước chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai các chương trình, đề án về kích cầu tiêu dùng nội địa gắn với phát triển thương hiệu hàng Việt Nam, khai thác lợi thế về quy mô dân số với sự gia tăng nhanh của tầng lớp trung lưu và tiêu dùng trẻ, năng động. Phát triển và đa dạng hóa các trung tâm tiêu dùng của cả nước theo vùng và địa bàn, gắn phát triển các trung tâm mua sắm với các trung tâm du lịch, các địa bàn tập trung sản xuất công nghiệp và dịch vụ; chú trọng phát triển thị trường vùng nông thôn, miền núi.

- Tập trung hỗ trợ phát triển một số tập đoàn bán buôn, bán lẻ trong nước có thương hiệu lớn và có khả năng cạnh tranh trong khu vực với hệ thống phân phối hiện đại, làm chủ hệ thống tổng kho, trung tâm logistics và nguồn cung ứng hàng hoá nhằm ổn định cung cầu, nâng cao tính cạnh tranh về giá gắn với tăng cường quản lý cạnh tranh, chống độc quyền.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các khung khổ chính sách và pháp luật khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số... để kích cầu, mở rộng quy mô thị trường trong nước.

- Nghiên cứu, đề xuất triển khai các chương trình, đề án nhằm hỗ trợ kết nối

sản xuất với thị trường, phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa nhằm đảm bảo ổn định cung cầu hàng hóa sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở Việt Nam.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, đề án về tăng cường triển khai thực hiện hệ thống số về truy xuất nguồn gốc hàng hóa trong nước nhằm tăng cường quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, đặc biệt là đối với hàng hóa nông sản và thực phẩm qua hệ thống phân phối hiện đại.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các trung tâm mua sắm và tiêu dùng lớn, đa năng phục vụ khách hàng trong khu vực và thế giới. Khuyến khích đầu tư phát triển và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại tại các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, hải đảo. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh đổi mới phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Khuyến khích các tập đoàn phân phối lớn của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng, triển khai các hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm gắn kết với địa phương, thúc đẩy tiêu thụ trong nước, đặc biệt là nông sản mang tính thời vụ cao.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chủ trì phối hợp với các bên liên quan

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển thương mại điện tử.

- Nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xây dựng nền tảng công nghệ số cho thương mại điện tử và phát triển các dịch vụ hạ tầng logistic phục vụ thương mại điện tử. Phát triển các tập đoàn thương mại điện tử lớn, có thương hiệu quốc gia và có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Ưu tiên phát triển hệ thống các sàn giao dịch thương mại điện tử có kết nối quốc tế.

- Rà soát và đề xuất hoàn thiện chính sách và pháp luật về thương mại điện tử phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế số và cam kết trong các FTA, cho phép thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ mới trong thương mại điện tử, phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới, xúc tiến thương mại trực tuyến...

- Tăng cường triển khai các hoạt động hỗ trợ, khuyến khích việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ địa phương ở vùng sâu, vùng xa và biên giới hải đảo phát triển thương mại điện tử để thu hẹp dần khoảng cách với các thành phố lớn.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025.

c) Cục Xúc tiến thương mại chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình xúc tiến thương mại theo chuỗi, có tính dài hạn, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức xúc tiến thương mại của các Bộ, ngành, hiệp hội, địa phương, doanh nghiệp; Chủ động trao đổi, phối hợp với các hiệp hội ngành hàng, địa phương lựa chọn nhóm hàng, mặt hàng có thế mạnh để ưu tiên tập trung nguồn lực đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh cho các thương hiệu sản phẩm Việt Nam. Tăng cường niềm tin, nhận thức và uy tín đối với các sản phẩm mang Thương hiệu quốc gia Việt Nam; Xúc tiến quảng bá, truyền thông thương hiệu có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, sản phẩm có thế mạnh của vùng, miền.

- Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến, kết hợp giữa các loại hình xúc tiến thương mại truyền thống với trực tuyến; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu thông qua môi trường thương mại điện tử và các nền tảng công nghệ số.

- Nâng cao chất lượng công tác tư vấn, cung cấp thông tin thị trường cho địa phương, doanh nghiệp; khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân và đa dạng hóa hệ thống các tổ chức xúc tiến thương mại.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình về xúc tiến thương mại quốc gia, thương hiệu quốc gia.

d) Tổng cục Quản lý thị trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quản lý thị trường trên địa bàn cả nước gắn với đẩy mạnh chuyên đổi số. Chú trọng công tác xây dựng và phát triển lực lượng quản lý thị trường trong sạch, vững mạnh. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng, các Hiệp hội để công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý thị trường, đặc biệt là trong xử lý các vấn đề mới như kinh doanh trên các nền tảng số, thương mại điện tử; các quy định pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án về chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử giai đoạn đến 2025; Tổ chức triển khai có hiệu quả: Đề án nâng cao năng lực của cơ quan quản lý thị trường trong xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính và Đề án ứng dụng công nghệ số và kỹ thuật tiên tiến nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm công nghiệp thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

e) Ủy ban cạnh tranh quốc gia chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, thực thi sau khi Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) được thông qua.

- Nâng cao năng lực thực thi pháp luật về cạnh tranh. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng từ trung ương đến địa phương.

g) Cục Phòng vệ thương mại chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

Rà soát, trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện khung khổ pháp luật về phòng vệ thương mại để tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, ngành sản xuất, xuất khẩu và thị trường trong nước trong bối cảnh mới.

e) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối đưa các sản phẩm của địa phương vào hệ thống phân phối, bán lẻ của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn hoạt động trên địa bàn; kết nối có hiệu quả giữa sản xuất của địa phương với các nguồn tiêu thụ, các nhà phân phối trong và ngoài nước.

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, hoạt động tăng cường thu hút đầu tư hiện đại hóa hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn, đặc biệt là các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh thực hiện chuyển đổi số, tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử.

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển thị trường nội địa, phát triển hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối giao thương, liên kết vùng, ngành trong nước, khuyến khích các địa phương tiêu thụ sản phẩm của nhau, khai thác tối đa khu vực thị trường nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo thông qua tổ chức tuyên truyền quảng bá về sản phẩm trong nước, các chương trình tuần hàng, tháng khuyến mại, phiên chợ nhằm phát triển mạng lưới đại lý phân phối sản phẩm, cung ứng các sản phẩm thiết yếu cho người dân vùng sâu, đảm bảo an sinh xã hội.

1.5. Hội nhập quốc tế về kinh tế

a) Vụ Chính sách thương mại đa biên chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét triển khai các hoạt động đàm phán, ký kết và phê chuẩn, thực hiện các hiệp định thương mại, hiệp định đối tác kinh tế, hiệp định đối tác trong một số lĩnh vực thương mại cụ thể với các khu vực thị trường có tiềm năng phát triển kinh tế - thương mại, đặc biệt là các quốc gia và vùng lãnh thổ có lợi thế cạnh tranh mang tính bổ trợ với Việt Nam.

- Chủ động, tích cực tham gia các định chế kinh tế đa phương, góp phần vào quá trình định hình các cấu trúc khu vực và toàn cầu. Tích cực tham gia xây dựng

và tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà ta là thành viên như WTO, ASEAN, ASEM, APEC... để củng cố và nâng cao vai trò của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế.

- Đẩy mạnh hội nhập kinh tế bên trong theo hướng tập trung thực thi các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế nhằm cải cách nền kinh tế theo hướng thị trường đầy đủ. Nâng cao năng lực hội nhập kinh tế cho các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp để khai thác một cách hiệu quả các lợi ích từ hội nhập kinh tế. Gắn kết hội nhập kinh tế với thực thi chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng phương án và tổ chức thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm khai thác có hiệu quả thế mạnh của từng ngành, địa phương trong hội nhập kinh tế.

- Tập trung triển khai các Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện các FTA và các cam kết, hợp tác về hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế. Tập trung xây dựng và ban hành các văn bản thực thi các cam kết trong FTA, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như thuế, quy tắc xuất xứ... bảo đảm phù hợp với các cam kết trong các FTA đã có hiệu lực.

b) Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ, Vụ Thị trường châu Á – châu Phi, Vụ Chính sách thương mại đa biên theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, đổi mới phương thức hợp tác phát triển song phương và đa phương, vùng và tiểu vùng nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghiệp năng lượng phù hợp với tiềm năng, định hướng phát triển của Việt Nam và sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài.

- Triển khai thực hiện các hoạt động về thúc đẩy kết nối thị trường và đa dạng hóa chuỗi cung ứng cho Việt Nam.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, cung cấp thông tin về thương mại và đầu tư ở nước ngoài, nhất là ở các địa bàn nhiều tiềm năng để mở rộng hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam.

c) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Tổ chức triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, doanh nghiệp tại địa phương về hội nhập quốc tế về kinh tế, các FTA;

- Xây dựng và triển khai các chương trình tăng cường năng lực về hội nhập quốc tế về kinh tế cho cán bộ, doanh nghiệp tại địa phương.

2. Huy động hiệu quả các nguồn lực để thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương

2.1. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư

a) Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành và đơn vị liên quan

Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại đầu tư công trong lĩnh vực Công Thương theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

b) Vụ Kế hoạch – Tài chính, Cục Công nghiệp, Cục Hóa chất, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết điện lực, Vụ Dầu khí và Than, Vụ Thị trường trong nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp với Bộ Kế hoạch – Đầu tư và các Bộ, ngành và đơn vị liên quan

- Tổ chức triển khai các giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào các dự án lớn, quan trọng của quốc gia, kết nối vùng và liên vùng, tạo sự liên kết, hiệu ứng lan tỏa và gia tăng động lực tăng trưởng trong các ngành, lĩnh vực then chốt như: công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp môi trường, năng lượng sạch, hạ tầng thương mại, thương mại điện tử; các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị, các cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa...

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các tiêu chí, điều kiện về thu hút đầu tư và thống nhất từ trung ương đến địa phương để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư FDI vào ngành công nghiệp, năng lượng và hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn. Ưu tiên các dự án FDI có định hướng rõ ràng về sử dụng linh phụ kiện sản xuất trong nước, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, có liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR); đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, nhất là trong phát triển ngành chế biến, chế tạo, công nghệ cao.

- Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền đổi mới chính sách đầu tư nhằm thu hút, đón đầu có hiệu quả xu hướng dịch chuyển đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là các chuỗi cung ứng hàng công nghiệp trên thế giới và ở khu vực, dòng đầu tư đang dịch chuyển ra khỏi các trung tâm sản xuất công nghiệp toàn cầu do tác động của các xung đột, mâu thuẫn kinh tế, chính trị, thương mại giữa các quốc gia và đại dịch COVID-19. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các quy định khắc phục chuyển giá, đầu tư "chui", đầu tư "núp bóng", có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát thải cao đối với đầu tư FDI trong lĩnh vực công nghiệp.

- Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện các dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng ở địa bàn phù hợp, đặc biệt là với các nước ASEAN.

c) Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết điện lực theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các

chương trình, hoạt động về kết nối, thu hút và đa dạng hoá các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nguồn điện và lưới điện.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai các chương trình về đa dạng hóa nguồn vốn (trong và ngoài nước) và các hình thức huy động vốn để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo.

d) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại đầu tư công trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

- Chủ động xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, hoạt động về kết nối, thu hút và đa dạng hoá các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nguồn điện và lưới điện phù hợp với nhu cầu, tiềm năng và lợi thế của địa phương.

2.2. Thực thi linh hoạt, hiệu quả các công cụ tài chính, tiền tệ

a) Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tham gia phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành và đơn vị liên quan

Thực hiện đơn giản hóa quy trình, thủ tục tiếp cận tài chính, tín dụng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ từ các Quỹ, Chương trình, Đề án về hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp có các dự án đầu tư bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên của ngành Công Thương và đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

b) Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tham gia phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, đơn vị liên quan

- Hoàn thiện hành lang pháp lý và sử dụng cơ chế thử nghiệm (sandbox) cho phép phát triển các công ty công nghệ tài chính (fintech), các công ty, tổ chức tài chính trung gian nhằm tạo đột phá về cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tài chính hiệu quả phát triển doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên của ngành Công Thương và đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách tài chính, tín dụng ưu đãi, các chương trình mở rộng tín dụng khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp môi trường, phát thải thấp, ...; các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị toàn cầu, các dự án đầu tư theo cụm liên kết ngành công nghiệp, chuỗi cung ứng theo hệ thống phân phối, các dự án của doanh nghiệp khởi nghiệp, chuyển đổi số có tiềm năng xuất khẩu và xuất khẩu trực tiếp.

- Thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh, tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon, công nghiệp môi trường, các ngành hàng xuất khẩu.

- Hoàn thiện hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt, chứng từ điện tử, thương mại không giấy tờ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, thương mại xuyên biên giới và phát triển các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng số.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho phát triển tín dụng tiêu dùng để mở rộng tiêu dùng trong nước gắn với tăng cường quản lý rủi ro.

c) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành và các đơn vị liên quan

Tăng cường cập nhật thông tin và kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc tiếp cận các hỗ trợ, ưu đãi của nhà nước trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

2.3. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo bước phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành Công Thương

a) Vụ Khoa học – Công nghệ chủ trì phối hợp với các Viện Nghiên cứu thuộc Bộ và các đơn vị liên quan

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành có liên quan tiếp tục tham mưu hoàn thiện chính sách, hành lang pháp lý nhằm thiết lập môi trường chính sách thuận lợi thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghiệp sản xuất thông minh, các mô hình kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng số, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị...

- Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với mục tiêu phát triển ngành, nhu cầu đổi mới và nâng cấp công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh của doanh nghiệp, phát triển chuỗi giá trị của sản phẩm và tạo giá trị gia tăng cao.

- Tập trung ưu tiên triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm về nâng cao năng suất, chất lượng trong các ngành công nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế (cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu, công nghiệp hỗ trợ...), công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng, thương mại điện tử, cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa; phát triển các sản phẩm, dịch vụ số...

- Triển khai thực hiện tái cơ cấu các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của ngành Công Thương gắn với phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng tập trung vào kết quả, tạo thuận lợi và khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào hoạt động khoa học và công nghệ của ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp; tăng cường nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa đối với các kết quả nghiên cứu. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ KH&CN gắn kết các đơn vị nghiên cứu trong nước với các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu trên thế giới để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nghiên cứu và phát triển.

b) Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học – Công nghệ

- Hướng dẫn các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc tổ chức triển khai phương án tự chủ sau khi được Bộ phê duyệt.

- Xây dựng phương án đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật cho các cơ quan nghiên cứu thuộc Bộ theo hướng hiện đại, đồng bộ, đủ điều kiện triển khai các hoạt động nghiên cứu phát triển, tiếp nhận, trình diễn và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, gắn với các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

c) Các Viện, cơ quan nghiên cứu thuộc Bộ

- Xây dựng định hướng, chiến lược phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến 2030; thực hiện rà soát, sắp xếp, tái cơ cấu tổ chức, hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả để nâng cao năng lực, chất lượng kết quả nghiên cứu, triển khai. Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Kế hoạch, đề án, chương trình tái cơ cấu đơn vị.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, tư vấn chính sách cho Bộ Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và theo các trọng tâm ưu tiên trong thực hiện tái cơ cấu ngành; cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng và thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương.

- Nâng cao chất lượng cán bộ, chất lượng của các công trình nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, tăng cường các nghiên cứu mang tính ứng dụng phục vụ thương mại hóa, chuyển giao cho doanh nghiệp.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đổi mới mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Công Thương theo từng giai đoạn cụ thể. Ưu tiên đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động về chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển toàn diện, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề của ngành Công Thương theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu lao động cho các ngành kỹ thuật, công nghệ cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tái có cấu lại các chương trình đào tạo, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực được ưu tiên theo hướng chú trọng thực hành và kết nối với doanh nghiệp.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng đào tạo ở tất cả các cấp đào tạo thuộc ngành Công Thương, trước mắt là tiêu chuẩn kỹ năng nghề theo chuẩn ASEAN và quốc tế.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Chương trình, Đề án về tái cơ cấu hệ thống các trường trong lĩnh vực đào tạo công nghệ, kỹ thuật. Kế hoạch sắp xếp, giảm số lượng trường, giải thể, sáp nhập các trường để tăng năng lực cơ sở vật chất kỹ thuật và giáo viên, tạo điều kiện cho dạy và học hướng vào nghiên

cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ

- Chủ động xây dựng các Chương trình, Kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành và tổ chức triển khai thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của đơn vị đáp ứng các yêu cầu về nhân lực của ngành; đảm bảo tiếp cận các chuẩn mực đào tạo của khu vực và quốc tế và nhu cầu của doanh nghiệp; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo.

- Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng tăng cường kết nối và hỗ trợ triển khai các hoạt động hợp tác giữa các cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp; tập trung vào phát triển kỹ năng thực hành cho học viên.

c) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ của Sở Công Thương và các Sở ngành liên quan tại địa phương về tái cơ cấu ngành Công Thương.

2.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ngành Công Thương

a) Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chính sách tạo động lực đề cửng cổ và phát triển một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn có vai trò dẫn dắt ở một số ngành, lĩnh vực hoặc vùng, đủ sức cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, phân phối, thương mại điện tử... gắn với tăng cường giám sát, chống độc quyền. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển văn phòng nghiên cứu và phát triển thị trường ở nước ngoài.

- Xây dựng và triển khai các chương trình kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp trong nước tiếp cận các tập đoàn đa quốc gia có chiến lược nội địa hóa. Phát triển mạng lưới các nhà sản xuất vừa và nhỏ trong nước kết nối với các tập đoàn công nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI.

- Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số, đặc biệt là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên như thương mại điện tử, dệt may, da giày, thực phẩm...; cải tiến công nghệ, áp dụng các mô hình quản trị, sản xuất hiện đại, bền vững, tuần hoàn và ít phát thải; nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, các bon thấp, trách nhiệm xã hội, lao động của các thị trường xuất khẩu; tham gia vào các cụm liên kết ngành, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu và xuất khẩu.

b) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương về nâng cao năng lực sản xuất, xúc tiến thương mại, kết nối

thị trường; cải tiến công nghệ, số hóa hoạt động sản xuất và tiếp cận thị trường.

- Tăng cường hỗ trợ, kết nối các doanh nghiệp địa phương tham gia vào hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI hoạt động trên địa bàn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy theo hướng đẩy mạnh phân cấp phân quyền; thực thi chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

3.1. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước của ngành Công Thương

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

- Kiện toàn cơ quan cạnh tranh quốc gia nhằm tăng cường năng lực thực thi có hiệu quả Luật Cạnh tranh 2018. Tổ chức lại các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội từ trung ương đến địa phương tham gia vào công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường, đảm bảo phù hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của lực lượng Quản lý thị trường trong tình hình mới.

- Củng cố, hoàn thiện mô hình của Cơ quan phòng vệ thương mại của Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tương xứng với quy mô kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền kiện toàn và đổi mới phương thức tổ chức hoạt động của hệ thống các cơ quan thương vụ, văn phòng xúc tiến thương mại ở nước ngoài.

- Hoàn thiện hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành lập công ty cổ phần.

b) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

3.2. Thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và số hóa công tác quản lý của ngành Công Thương

a) Văn phòng Bộ chủ trì phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số và các đơn vị liên quan

- Tiếp tục triển khai thực hiện hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn và gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính của ngành Công Thương từ trung ương đến địa phương.

- Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, số hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, đưa vào thực hiện các hình thức liên thông trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị.

b) Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách và giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số ngành Công Thương, đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử của ngành Công Thương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số tại Bộ Công Thương giai đoạn 2022-2025.

c) Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tăng cường công tác cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh trong các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Tiếp tục rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét bãi bỏ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, các điều kiện đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành thống nhất từ trung ương đến địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương gắn với xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về điều kiện đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành thuộc ngành Công Thương.

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xây dựng và tăng cường quản lý ngành theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Đẩy mạnh sử dụng công cụ quản lý nhà nước chủ yếu bằng điều tiết gián tiếp, tăng cường hậu kiểm. Hạn chế sự can thiệp của nhà nước trong các hoạt động kinh tế gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng các công nghệ phù hợp và dữ liệu lớn trong quản lý ngành, lĩnh vực.

d) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động về cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn gắn với đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số trong cung cấp các dịch vụ công được phân công.

4. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu,

thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng toàn diện và phát triển bền vững

a) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách và khung pháp luật thực hiện mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp nhằm đóng góp có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc và cam kết của Việt Nam tại COP26 trong lĩnh vực Công Thương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững.

b) Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trong ngành Công Thương.

- Thực hiện kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế phát thải; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng trong các ngành công nghiệp.

- Tăng cường tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp các giải pháp bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng huấn luyện về kỹ thuật an toàn cho người lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất công nghiệp phát thải lớn.

- Chuyển dịch sản xuất công nghiệp theo hướng phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp sinh thái, công nghiệp tái chế.

c) Cục Xuất nhập khẩu, Vụ thị trường châu Á – châu Phi, Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin cho các doanh nghiệp về các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, lao động, phát thải các bon thấp của các thị trường xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về các quy định, tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thông tin về môi trường, biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn lao động...

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống các công cụ, chính sách kiểm soát nhập khẩu, lưu thông hàng hóa, máy móc, thiết bị đảm bảo các yêu cầu về môi trường, biến đổi khí hậu; khuyến khích nhập khẩu máy móc, thiết bị thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng.

d) Vụ Thị trường trong nước, Vụ Tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Triển khai các giải pháp khuyến khích, thúc đẩy tiêu dùng xanh.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích việc phân phối và tiêu dùng các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm xanh, các sản phẩm các bon thấp...; đẩy mạnh phát triển hệ thống cửa hàng, siêu thị xanh, thân thiện môi trường.

đ) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Hỗ trợ các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn triển khai thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng huấn luyện về kỹ thuật an toàn cho người lao động; đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, lao động, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...

- Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn về thông tin, nâng cao năng lực đáp ứng các yêu cầu về môi trường, phát thải thấp của các thị trường xuất khẩu; khai thác các cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp về triển khai thực hiện kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp...

5. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý ngành; tăng cường công tác thông tin và chia sẻ thông tin; nâng cao năng lực và nhận thức cho các bên liên quan về tái cơ cấu ngành Công Thương

a) Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công

Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xây dựng và triển khai các hoạt động nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách từ trung ương đến địa phương và các vùng kinh tế, bảo đảm thống nhất dữ liệu của vùng, địa phương với hệ thống dữ liệu quốc gia, phục vụ cho việc theo dõi, giám sát và hoạch định chính sách phát triển ngành, lĩnh vực.

b) Cục Công nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan

Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xây dựng cơ sở dữ liệu về phân bố không gian của các chuỗi sản xuất và thương mại của các ngành công nghiệp Việt Nam theo mô hình các mối liên kết chuỗi giá trị.

c) Cục Xuất nhập khẩu, Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ, Vụ thị trường châu Á – châu Phi, Vụ chính sách thương mại đa biên theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Xây dựng và đồng bộ hóa công cụ thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường, mặt hàng và hỗ trợ kết nối xúc tiến xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo về các biến động thị trường xuất nhập khẩu... phục vụ tra cứu của doanh nghiệp và cơ quan quản lý, kết nối kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Xây dựng và phổ biến các cẩm nang hướng dẫn xuất nhập khẩu theo thị trường, mặt hàng.

d) Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo

Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện công tác đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin năng lượng quốc gia.

đ) Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền đề xuất bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê về thương mại điện tử vào hệ thống kê quốc gia.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử xuyên biên giới.

e) Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét tổ chức thường niên các diễn đàn đối thoại công tư trong lĩnh vực Công Thương, tập trung vào các vấn đề trọng tâm, ưu tiên trong tái cơ cấu ngành.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, doanh nghiệp, các hiệp hội, tổ chức hỗ trợ công nghiệp, thương mại về tái cơ cấu ngành Công Thương.

g) Văn phòng Bộ, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương

Chủ trì phối hợp với các đơn vị truyền thông thuộc Bộ, các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Chương trình hành động này.

h) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan

- Nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành Công Thương tại địa phương phù hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Công Thương; kết nối với hệ thống các thông tin của Bộ Công Thương và các địa phương khác.

- Tăng cường các hoạt động đối thoại với các doanh nghiệp trên địa bàn trong triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch – Tài chính

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình hành động. Hướng dẫn xây dựng, phối hợp tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công cho đơn vị thuộc Chương trình hành động. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động khi cần thiết.

- Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thực hiện Chương trình hành động thuộc phạm vi chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Chủ trì xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình, Kế hoạch vận động các nguồn lực (nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, nguồn vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển

chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và các nguồn lực hợp pháp khác) thực hiện Chương trình hành động và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các đơn vị thuộc Bộ; các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ

- Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công xây dựng Kế hoạch, Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động này.

- Xây dựng nội dung và dự kiến kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính cân đối, bố trí nguồn ngân sách hằng năm; chủ động huy động các nguồn lực khác để tổ chức triển khai thực hiện.

- Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công gửi về Vụ Kế hoạch – Tài chính trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động.

3. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các Chương trình, Đề án, Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Chương trình hành động đảm bảo phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban hành kèm theo bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của địa phương.

- Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động giao cho địa phương thuộc phạm vi chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công gửi về Bộ Công Thương (Vụ Kế hoạch – Tài chính) trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động.

4. Các Tổng Công ty và doanh nghiệp thuộc Bộ

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Đề án, kế hoạch hoặc thực hiện lồng ghép các nội dung về tái cơ cấu Tổng công ty, doanh nghiệp vào trong các chiến lược, kế hoạch phát triển đơn vị, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Chủ động bố trí nguồn ngân sách và huy động các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện.

- Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công gửi về Bộ Công Thương (Vụ Kế hoạch – Tài chính) trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động./.

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, BÁO CÁO BỘ TIÊU CHÍ GIÁM SÁT,
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT
ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Chỉ tiêu	2021 - 2025	2021 - 2030	Cơ quan đầu mối theo dõi, báo cáo
I	Về phát triển công nghiệp: 05 chỉ tiêu			
1.	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	25 - 27%	30%	Cục Công nghiệp
2.	Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo	Trên 30%	Trên 45%	Cục Công nghiệp
3.	Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp bình quân/năm	Trên 7,5%	Trên 8,5%	Cục Công nghiệp
4.	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bình quân/năm	8 - 8,5%	8,5 - 9%	Cục Công nghiệp
5.	Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp bình quân/năm	6,5%	7,5%	Cục Công nghiệp
II	Về phát triển năng lượng: 04 chỉ tiêu			
1.	Tổng công suất của các nguồn điện		121 - 146 GW	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
2.	Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp		15 - 20% vào năm 2030	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
3.	Các cơ sở lọc dầu đáp ứng nhu cầu trong nước	trên 70%	trên 70%	Vụ Dầu khí và Than
4.	Giảm mức tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân năm	1 - 1,5%	1 - 1,5%	Vụ Tiết kiệm Năng lượng và Phát triển bền vững

TT	Chỉ tiêu	2021 - 2025	2021 - 2030	Cơ quan đầu mối theo dõi, báo cáo
III	Về phát triển xuất nhập khẩu: 02 chỉ tiêu			
1.	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân/năm	8 - 9%	6 - 8%	Cục Xuất nhập khẩu
2.	Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu	88% vào năm 2025	90% vào năm 2030	Cục Xuất nhập khẩu
IV	Về phát triển thị trường trong nước: 04 chỉ tiêu			
1.	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân/năm (chưa loại trừ yếu tố giá)	13,0 - 13,5%	13,0 - 13,5%	Vụ Thị trường trong nước
2.	Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá theo loại hình thương mại hiện đại	35 - 40% vào năm 2025	38 - 42% vào năm 2030	Vụ Thị trường trong nước
3.	Tốc độ tăng trưởng doanh số thương mại điện tử B2C bình quân/năm (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến)	25%	20%	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số
4.	Tỷ trọng doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	10% vào năm 2025	13% vào năm 2030	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

PHỤ LỤC II
DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ
TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG
THƯƠNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT
ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1.	Đề nghị xây dựng Luật Phát triển công nghiệp	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Chính phủ
2.	Đề nghị xây dựng Luật Hóa chất (sửa đổi)	Cục Hóa chất	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Chính phủ
3.	Đề nghị xây dựng Luật về năng lượng tái tạo	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Chính phủ
4.	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Chính phủ
5.	Dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	Các cơ quan liên quan	2023	Quốc hội
6.	Đề nghị xây dựng Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi)	Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Chính phủ
7.	Nghị định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP)	Cục Công Thương địa phương	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
8.	Đề nghị xây dựng Nghị định về khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Chính phủ
9.	Chiến lược phát triển công nghiệp và thương mại địa phương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương	Các địa phương, cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
10.	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp môi trường đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
11.	Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
12.	Chiến lược phát triển ngành ô tô giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
13.	Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
14.	Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
15.	Chiến lược phát triển ngành nhựa giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
16.	Chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2025 -	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên	2025	Thủ tướng Chính

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
	2030		quan		phủ
17.	Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2025 - 2030 từ ngân sách trung ương	Cục Công Thương địa phương	Các cơ quan liên quan	2025	Thủ tướng Chính phủ
18.	Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 từ ngân sách trung ương	Cục Công Thương địa phương	Các cơ quan liên quan	2025	Thủ tướng Chính phủ
19.	Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
20.	Chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự cường của nền sản xuất Việt Nam giai đoạn đến 2045	Cục Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
21.	Đề án phát triển hạ tầng hỗ trợ thương mại điện tử quốc gia	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
22.	Đề án chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương đến năm 2030	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
23.	Đề án thúc đẩy doanh nghiệp ngành Công Thương xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của thị trường xuất khẩu, phòng chống lừa tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ.	Cục Phòng vệ thương mại	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Bộ trưởng Bộ Công Thương

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
24.	Đề án thí điểm đầu tư các khu công nghiệp tập trung tại một số địa phương phù hợp theo mô hình cụm liên kết ngành sản xuất các linh kiện, phụ tùng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển	Cục Công nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
25.	Đề án thí điểm thành lập các Khu công nghiệp/Tổ hợp công nghiệp hóa chất tập trung theo hướng xanh, hiện đại, kinh tế tuần hoàn tại một số địa phương có điều kiện phù hợp phát triển công nghiệp hóa chất	Cục Hóa chất	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
26.	Đề án xanh hoá công nghiệp giai đoạn đến 2030	Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
27.	Chương trình/Đề án/Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương của các địa phương giai đoạn đến năm 2030	Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Cấp có thẩm quyền
28.	Chương trình, Đề án, Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu Tổng Công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ giai đoạn đến năm 2030	Tổng Công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Cấp có thẩm quyền
29.	Chương trình, Đề án, Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu các đơn vị nghiên cứu, các cơ sở đào tạo thuộc Bộ giai đoạn đến năm 2030	Các đơn vị nghiên cứu; trường đào tạo thuộc Bộ	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Cấp có thẩm quyền